

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN**

Bản án số: 54/2025/HNGĐ-ST

Ngày:

Ngày: 17-6-2025

V/v: “Ly hôn,
tranh chấp nuôi con chung”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT, TỈNH BÌNH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Thảo Nguyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lưu Thị Thôi

2. Ông Đỗ Văn Hòa

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Ngọc Anh Tú - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa:* Bà Trương Thị Thơ - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 88/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2025 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 222/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 300/2025/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1995

Địa chỉ: Thôn T, xã T, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

- *Bị đơn:* Ông Trịnh Quốc K, sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn T, xã T, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/3/2025, bản tự khai, và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Nguyễn Thị H trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông Trịnh Quốc K tự nguyện tìm hiểu, sống chung và đăng ký kết hôn vào năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. Trong thời gian chung sống, giữa vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi vã, không thể hàn gắn được. Hiện nay vợ chồng không còn chung sống với nhau. Bà xác định tình

cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Trịnh Quốc K.

- Về con chung: Bà và ông Trịnh Quốc K có một con chung tên Trịnh Thị Kim P, sinh ngày 12/11/2011. Bà yêu cầu nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Bà chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ, đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Trịnh Quốc K nhưng bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến, không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải, nên không thể tiến hành hòa giải vụ án. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết có quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật Tố tụng dân sự quy định, bị đơn không chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, xét xử cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn ông Trịnh Quốc K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị H yêu cầu được ly hôn ông Trịnh Quốc K và yêu cầu giải quyết về con chung, nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*”; bị đơn có địa chỉ tại Thôn T, xã T, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo đúng quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân, xét thấy:

Bà Nguyễn Thị H và ông Trịnh Quốc K chung sống và đăng ký kết hôn vào năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố P, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 11/2015, quyển số: 01/2014; ngày, tháng, năm đăng ký: 19/3/2015. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc, nên hôn nhân của ông, bà là hợp pháp.

Theo bà H trình bày, vợ chồng ông, bà trong quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Dù đã cố gắng nhưng vợ chồng không thể hàn gắn được. Hiện nay bà H và ông K đã sống ly thân, không ai quan tâm tới ai. Tòa án đã triệu tập ông K đến Tòa nhằm hòa giải, động viên để vợ chồng đoàn tụ nhưng ông K không đến Tòa, cho thấy ông K không còn quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân của vợ chồng. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông K là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc bà Nguyễn Thị H yêu cầu ly hôn ông Trịnh Quốc K là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị H khai bà và ông Trịnh Quốc K có một con chung tên Trịnh Thị Kim P, sinh ngày 12/11/2011. Bà H yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung. Ông Trịnh Quốc K không có bất kỳ văn bản nào thể hiện ông có nguyện vọng nuôi con hay không.

Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con chung cho ai chăm sóc, nuôi dưỡng phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, để con phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 17/3/2025, cháu P có nguyện vọng được ở với mẹ, đồng thời cháu có giới tính nữ, đang trong giai đoạn phát triển tâm sinh lý cần có sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ, nên giao cháu cho bà H nuôi dưỡng là hợp lý. Do đó, chấp nhận yêu cầu về việc nuôi con chung của bà Nguyễn Thị H, bà H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do bà Nguyễn Thị H chưa yêu cầu ông Trịnh Quốc K cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.2] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Trịnh Quốc K chưa yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Trịnh Quốc K chưa yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 8, Điều 9; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn ông Trịnh Quốc K.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trịnh Thị Kim P, sinh ngày 12/11/2011. Ông Trịnh Quốc K có nghĩa vụ giao con chung cho bà Nguyễn Thị H nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị H chưa yêu cầu ông Trịnh Quốc K cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà H, ông K có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

Bà H không được ngăn cản ông K trong việc thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ngày 12 tháng 3 năm 2025, bà H đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002886 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết, nay chuyển 300.000 đồng sang án phí và sung công quỹ nhà nước.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (17/6/2025). Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Phan Thiết;
- Chi cục THADS thành phố Phan Thiết;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Lê Thảo Nguyên

